

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH VĨNH LONG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/DS-PT

Ngày: 13 – 6 – 2023

V/v: “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Ông Nguyễn Văn Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Yến – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLPT-DS ngày 15/5/2023 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2023/DS-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐ-PT ngày 22/5/2023 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà **Văn Thị B**, sinh năm 1930

ĐKKH: Ấp Vàm A, xã Quới A, huyện L, tỉnh V.

Địa chỉ liên lạc: Số 25C, Hẻm Cây K, phường A, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 25C, Hẻm Cây K, phường A, thành phố V, tỉnh V.

2/ Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 1/B7, đường L, Phường B, thành phố V.

-*Bị đơn*: Anh **Nguyễn Khắc N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 64/13E, đường T, Phường D, thành phố V.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà **Đặng Thị Thu Loan**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp Quang T, xã C, huyện L, tỉnh V.

2/ **Bảo hiểm xã hội V**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn K** – Phó Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: Số 6F, đường H, Khóm 5, Phường 9, thành phố V, tỉnh V.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Khắc N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 28/4/2021, đơn khởi kiện ngày 07/12/2021 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Khắc N là cháu nội của bà Văn Thị B. Anh N là con của ông Nguyễn Văn R. Ông R về hưu được vài tháng thì bị bệnh và qua đời. Ông R được Bảo hiểm xã hội V chi trả chế độ tuất là 644.834.100đ theo quyết định số 58/QĐ-BHXXH ngày 20/5/2020. Do bà lớn tuổi già cả nên đã ủy quyền cho anh N nhận toàn bộ số tiền để sau đó đưa lại một phần cho bà, nhưng sau khi nhận tiền xong, N hứa hẹn mà vẫn không giao tiền lại cho bà. Bà hiện già yếu, không có nguồn thu nhập nên yêu cầu N giao lại 210.000.000đ để bà chi phí sinh hoạt, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác đối với tiền tuất.

Theo biên bản hòa giải ngày 19/12/2022, người đại diện theo ủy quyền của anh N trình bày: Hiện tại hàng tháng anh N vẫn chăm lo đời sống cho bà B. Tiền tuất anh đã nhận đủ từ Bảo hiểm xã hội là 644.834.100đ và anh đã trả nợ cho ông R vì khi còn sống ông R mượn nợ để trị bệnh.

Theo biên bản hòa giải ngày 19/12/2022, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội V trình bày: Về quy trình xét duyệt hồ sơ, thực hiện thủ tục để người thân ông R hưởng tiền tuất thì Bảo hiểm đã làm đúng quy

định, Bảo hiểm đã chuyển đủ tiền vào tài khoản của anh N nên Bảo hiểm không còn trách nhiệm liên quan đối với tranh chấp giữa bà B, anh N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V đã xử;

Áp dụng khoản 2 Điều 67, khoản 3 Điều 69 Luật bảo hiểm xã hội 2014; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Bảy. Buộc anh Nguyễn Khắc N có nghĩa vụ trả bà B số tiền tuất là 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm và về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2023 anh Nguyễn Khắc N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Khắc N có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại cấp phúc thẩm, anh N có nộp tờ tường trình, đồng ý trả lại khoản tiền tuất đã nhận theo yêu cầu của cụ B sau khi khấu trừ các khoản chi phí trong thời gian anh N phụng dưỡng, chăm sóc cụ B là 60.000.000đ. Đồng thời yêu cầu một trong các con của cụ B đứng ra nhận chăm sóc cụ B.

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn T đại diện cho cụ Văn Thị B không đồng ý với kháng cáo của anh Nguyễn Khắc N. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Nguyễn Khắc N là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Khắc N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh Nguyễn Khắc N phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 05/4/2023. Ngày 17/4/2023 anh Nguyễn Khắc N kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của anh Nguyễn Khắc N còn trong hạn luật định. Anh Nguyễn Khắc N đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, đúng quy định, nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Khắc N có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh V xin xét xử vắng mặt. Bà Đặng Thị Thu L vắng mặt nhưng không liên quan đến kháng cáo. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Nguyễn Khắc N, Hội đồng xét xử nhận thấy; ông Nguyễn Văn R là cán bộ về hưu, chết ngày 11/5/2020, không để lại di chúc. Theo điểm c khoản 1 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội: *“Người đang hưởng lương hưu chết thì thân nhân được hưởng tiền tử tuất hàng tháng”*. Do đó trợ cấp tử tuất là một chế độ BHXH, trợ cấp đối với thân nhân người chết, không phải là di sản của người chết để lại.

Ngày 20/5/2020 Bảo hiểm xã hội V ban hành Quyết định số 58/QĐ-BHXH về việc hưởng chế độ tử tuất một lần đối với thân nhân của ông Nguyễn Văn R, với tổng số tiền là 644.834.100đ, người nhận là anh Nguyễn Khắc N (kèm theo tờ khai của thân nhân ông R gồm anh N và cụ Văn Thị B).

Xét thấy, cụ bà Văn Thị B, sinh năm 1930 và cụ ông Nguyễn Văn U chết năm 2003 là cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn R. Ông R kết hôn với bà Lê Thị M và có một người con chung là anh Nguyễn Khắc N, sinh năm 1985. Ngày 07/4/2001, bà M chết. Ngày 27/02/2017, ông R đăng ký kết hôn với bà Đặng Thị Thu L, sinh 1965. Ông R bà L không có con chung. Bà L có văn bản từ chối không nhận bất cứ khoản tiền nào sau khi ông R chết. Như vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội thì cụ B là thân nhân của ông R có đủ điều kiện được nhận trợ cấp hàng tháng nhưng có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất 01 lần theo tờ khai của thân nhân ông R gồm anh N và cụ B, có chữ ký xác nhận của cụ B về việc cử người đại diện kê khai (BL 26-27). Anh N đã đại diện cụ B nhận toàn bộ tiền tuất 01 lần từ Bảo hiểm xã hội. Sau khi nhận tiền anh N không giao cho cụ Văn Thị B, nên xảy ra tranh chấp, Cụ Văn Thị B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Khắc N giao cho cụ B số tiền 210.000.000đ. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sở hữu tài sản, buộc anh N giao lại cho cụ B số tiền 210.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của cụ Văn Thị B là có lợi cho anh N và phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó anh N kháng cáo cho rằng án sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu hủy

án sơ thẩm hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Khắc N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với việc anh Nguyễn Khắc N có tờ trình, đồng ý trả lại khoản tiền tuất đã nhận theo yêu cầu của cụ B sau khi khấu trừ các khoản chi phí trong thời gian anh N phụng dưỡng, chăm sóc cụ B là 60.000.000đ. Đồng thời yêu cầu một trong các con của cụ B đứng ra nhận chăm sóc cụ B. Yêu cầu này của anh Nguyễn Khắc N chưa được cấp sơ thẩm giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh Nguyễn Khắc N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Khắc N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 67, khoản 3 Điều 69 Luật bảo hiểm xã hội 2014; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị B.

Buộc anh Nguyễn Khắc N có nghĩa vụ trả bà B số tiền tuất là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Khắc N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002035 ngày 26/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Do đó, anh Nguyễn Khắc N không phải nộp tiếp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh V;
- TAND Tp V;
- Chi cục THA Tp V;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Dân sự: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc